

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09.5.2025.

V/v "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI C THÀNH PHỐ N

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hữu

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sanh

Ông Phạm Công Lương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lành – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Nẵng.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly Na - Kiểm sát viên.*

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025, thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa ngày 17.4.2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà V N A. Sinh năm: 1986. Địa chỉ: 46/4 K 2, Phường N, quận 12, TP. M. Vắng mặt.

Bị đơn: Ông T H C, sinh năm 1980. Địa chỉ: K253/15 H, Phường H, quận C, TP. N. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện bà V N A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với ông T H C vào năm 1992, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại phường N, quận 12, TP. M. Sau khi kết hôn 2 vợ chồng chung sống tại nhà chị gái chồng ở 2B, LK, phường 11, quận 15, TP. M. Vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Việc mâu thuẫn vợ chồng chỉ bản thân vợ chồng biết và tự giải quyết vì sợ ảnh hưởng đến gia đình hai bên và việc học của các con. Khoảng năm 2018, 2019 hai vợ chồng ra ở riêng, do chưa có nhà ở nên hai vợ chồng đi thuê nhà và thường xuyên thay đổi địa chỉ. Đến đầu năm 2023 thì bà về sống tại nhà mẹ đẻ tại địa chỉ 46/4 K 2, Phường N, quận 12, TP. M. Ông C sinh sống tại thành phố M hay N bà không được rõ.

Trong khoảng thời gian chung sống, bà cảm thấy cuộc sống ngọt ngào, tâm lý vợ chồng áp lực nặng nề, vợ chồng thường khắc khẩu và xung khắc trong quan hệ gia đình, giáo dục con cái dẫn đến thường xuyên cãi vã và xúc phạm nhau, bản thân ông C không có công việc ổn định, không quan tâm, chăm sóc gia đình, không còn yêu thương, tôn trọng cha mẹ và tôn trọng nhau, bà đã cố gắng khuyên giải và hàn gắn để gia đình sớm ổn định cuộc sống nhưng không kết quả. Quá buồn phiền và chán nản vì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng bà đã nộp hồ sơ khởi kiện đến TAND quận 12 vào đầu tháng 9/2023 nhưng được tòa án, người thân gia đình khuyên nhủ hàn gắn cho ông C thời gian khắc phục, thay đổi nhưng hoàn toàn không kết quả, nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể cứu vãn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, bà đề nghị tòa xem xét, giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

2. Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà có 04 con chung là:

- T N P, sinh ngày 18.10.2007.
- T V K, sinh ngày 09.5.2011.
- T K M, sinh ngày 12.8.2013.
- T P M, sinh ngày 17.9.2014.

Ly hôn bà đề nghị được nuôi dưỡng 04 con T N P, T V K, T K M, T P M đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông T H C phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà với ông T H C tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa xem xét, giải quyết.

4. Về các khoản vay, nợ chung: không có.

Tại bản tự khai đề ngày 18.3.2025, ông T H C trình bày:

Ông và bà V N A kết hôn với nhau vào năm 2006 tại phường N, quận 12, TP. M. Sau khi kết hôn 02 vợ chồng chung sống tại 2B, LK, phường 11, quận 15, TP. M. Sau đó vợ chồng có đôi chỗ ở đến 123 P H, phường N, quận 12. Vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bà C có người khác. Khoảng năm 2018 vợ chồng ông có dọn về ở nhà chị ông tại 2B K, phường 11, quận 15 do vợ chồng làm ăn thất bát. Năm 2023, vợ chồng ông có mua lại căn nhà số XX/4 khu phố X phường N quận 12, mua xong thì bà A bỏ nhà đi 01 tháng không về và đòi ly dị ông. Ông đồng ý ly hôn với bà A.

Về con chung, ông thống nhất vợ chồng ông, bà có 04 người con chung như bà A trình bày. Ông đồng ý giao 04 người con chung cho bà A nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông xác định ông và bà A có một căn nhà tại địa chỉ XX/4 khu phố X, phường N, quận 12 do bà V N A đứng tên, ông không yêu cầu giải quyết về tài sản là vì mong muốn để lại cho các con.

Về vay nợ chung: Ông xác định không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải C, thành phố N phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V N A đối với ông T H C.

Về con chung: Giao con chung: T N P, sinh ngày 18.10.2007; T V K, sinh ngày 09.5.2011; T K M, sinh ngày 12.8.2013; T P M, sinh ngày 17.9.2014 cho bà V N A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông T H C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà V N A đề nghị Tòa án không giải quyết nên Viện kiểm sát không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của bà V N A đối với ông T H C là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn có địa chỉ tại quận Hải C, thành phố N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải C theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn

xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà V N A và ông T H C đăng ký kết hôn vào ngày 01.3.2006 tại UBND phường N, quận 12, TP. M. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà V N A thì thấy: Quá trình chung sống bà A và ông C phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng xung khắc trong chuyện quan hệ gia đình, giáo dục con cái dẫn đến thường xuyên cãi vã và xúc phạm nhau, khi mâu thuẫn không thể khắc phục bà A và ông C đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các bên đương sự để tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được vì bà A xin vắng mặt. Xét thấy tình cảm vợ chồng cần phải vun đắp từ hai phía mới đảm bảo cuộc sống chung hạnh phúc, nhưng tình trạng hôn nhân giữa bà A và ông C đã mâu thuẫn kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nay ông T H C đồng ý ly hôn với bà A nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Xét yêu cầu của bà V N A về việc giao con chung cho bà nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T H C cấp dưỡng nuôi con thì thấy: Ông C và bà A có 04 con chung là T N P, sinh ngày 18.10.2007; T V K, sinh ngày 09.5.2011; T K M, sinh ngày 12.8.2013; T P M, sinh ngày 17.9.2014. Cả 04 con có văn bản đề nghị được ở với bà A, ông C cũng đồng ý giao 04 người con nói trên cho bà A nuôi dưỡng. Do đó việc giao 04 người con nói trên cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, về nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến. Nếu sau này bà A và ông C có tranh chấp về tài sản chung thì sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[2.4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V N A đối với ông T H C.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà V N A được ly hôn với ông T H C.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung T N P, sinh ngày 18.10.2007; T V K, sinh ngày 09.5.2011; T K M, sinh ngày 12.8.2013; T P M, sinh ngày 17.9.2014 cho bà V N A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Ông T H C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên thực hiện theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình.

3. Án phí Hôn nhân và gia đình 300.000 đồng bà V N A phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà A đã nộp theo biên lai thu số 0030819 ngày 18 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận 12 Thành phố M..

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q Hải C;
- Cơ quan THADS Q. Hải C;
- UBND phường Tân Thới Nhất;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hữu